TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Văn Tường

2/ Ông Ngô Lê Tuấn Kiệt

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1969. ĐKTT: 216 Khu vực 2, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: 313 ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T ngày 13-02-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 11 tháng 9 năm 2007.

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H ghen tuông vô cớ và không tôn trọng bà; hơn nữa, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm và cãi vả nhau; mâu thuẫn kéo dài đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Minh N (nam), sinh ngày 19-6-1996, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung ông thống nhất như lời trình bày của bà T; tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn. Tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về tài sản chung và nợ chung, khi nào có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ly hôn. Bà T và ông H có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn". Ông H đang cư trú tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 188/HT/2007, quyển số 01 ngày 11-9-2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau có thời gian dài hạnh phúc và có 01 con chung. Lẽ ra, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, tình nghĩa vợ chồng giữa ông bà đã không thực hiện được như vậy, mà còn để cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lấn át tình yêu thương, thậm chí sống ly thân với nhau; hơn nữa, từ lúc Tòa án giải quyết đến nay bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn. Còn ông H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng từ lúc hòa giải ngày 08-6-2023 đến nay, ông không có giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà ly hôn với ông H là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Ông bà chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Minh N (nam), sinh ngày 19-6-1996 đã trưởng thành nên không xét.

[4] *Về tài sản chung:* Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] *Về nợ chung*: Cả hai đều xác định không có. Trường hợp, sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T ly hôn với ông H là phù hợp.

[7] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] *Về quyền kháng cáo của các đương sự*: được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc

quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2/ Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007940 ngày 18-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Bà T đã nộp xong án phí.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- UBND xã N (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lo